

THƯƠNG MẠI CHÂU ÂU VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐẾN TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ ĐÀNG TRONG THẾ KỶ XVI- XVIII

Dương Thị Huyền*
Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Thế kỷ XVI- XVIII, Đàng Trong có hoạt động buôn bán với nhiều nước có nền kinh tế phát triển mạnh mẽ trên thế giới như: Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp... Hoạt động thương mại của người châu Âu ở Đàng Trong rất phong phú và đa dạng không chỉ mang lại những món lòn rất lớn cho bản thân họ mà còn góp phần tạo nên sự sôi động của kinh tế ngoại thương Đàng Trong. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, sự tiếp xúc giữa một quốc gia phong kiến nông nghiệp truyền thống với nền văn minh phương Tây có trình độ khoa học kỹ thuật cao đã có tác động không nhỏ tới mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa của Đàng Trong.

Từ khóa: *Đàng Trong, châu Âu, thương mại, chính trị, kinh tế, văn hóa, phong kiến, thương nhân.*

KHÁI QUÁT VỀ THƯƠNG MẠI CỦA NGƯỜI CHÂU ÂU Ở ĐÀNG TRONG (THẾ KỶ XVI- XVIII)

Trong các thế kỷ XVI – XVIII, ở châu Âu, sau những cuộc phát kiến địa lý, một nền thương mại quốc tế xuyên đại dương đã hình thành. Bồ Đào Nha là nước tiên phong, tiếp đến là các dân tộc Hà Lan, Anh, Pháp nối gót thâm nhập vào thế giới Đông Á để tìm kiếm thị trường và nguồn nguyên liệu. Từ đây, các tàu thuyền phương Tây qua eo Malacca, tới Indonesia, Xiêm, Đại Việt, Trung Quốc, Philippines và Nhật Bản. Hai trục giao thương Bắc – Nam và Đông – Tây đã tạo nên nhiều tuyến thương mại trên biển: con đường tơ lụa, con đường gốm sứ, con đường truyền giáo... Đại Việt là một trong những giao điểm của các tuyến hàng hải đó.

Ở Đại Việt, từ năm 1558, họ Nguyễn bắt đầu lập nghiệp trên vùng đất Thuận Hóa. Trên vùng đất “Ô chau ác địa”, họ Nguyễn không chỉ tồn tại được mà còn lớn mạnh để đẩy lùi những cuộc tấn công của họ Trịnh, mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam, phát triển kinh tế, xã hội... Có được thành công đó là do chúa Nguyễn đã biết tận dụng và phát triển những tiềm năng của xứ Đàng Trong, thực hiện chính sách khuyến thương mạnh mẽ. Đây

chính là những điều kiện thuận lợi để thương nhân ngoại quốc, đặc biệt là người phương Tây đến tiến hành buôn bán với Đàng Trong.

Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp... là những nước phương Tây có tiềm lực kinh tế lớn và có hải thương mạnh thuộc vào loại bậc nhất thế giới. Thương nhân Bồ Đào Nha là những người châu Âu đến Đàng Trong sớm nhất và rời đi muộn nhất. Thương nhân Bồ Đào Nha không đại diện cho một công ty nào và cũng không đặt thương điểm ở Đàng Trong mà chỉ dựa vào quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương để đến buôn bán theo mùa. Tuy vậy, so với các nước phương Tây khác, thương nhân người Bồ đã đạt được rất nhiều thành công trong nền thương mại với Đàng Trong.

Thương nhân Hà Lan tìm đến Đàng Trong để duy trì nền thương mại Nội Á. Những liên hệ đầu tiên của Công ty Đông Án Hà Lan với Đàng Trong diễn ra rất sớm và khá đều đặn. Họ đã đặt được thương điểm tại Hội An (1636). Nhưng những hiểu nhầm giữa Hà Lan với các chúa Nguyễn đã dẫn tới những xung đột nghiêm trọng về quân sự.

Công ty Đông Án Anh (thành lập năm 1600) cũng có nhu cầu thâm nhập thị trường Đàng Trong vào đầu thế kỷ XVII, đồng thời chính quyền chúa Nguyễn cũng muốn thiết lập quan hệ giao thương với công ty để có được súng đạn. Điều đó thể hiện rõ nét qua sự cố gắng

* Tel 0975702362. Email: duonghuyen.sudhkh@gmail.com

của cả hai bên trong suốt gần 200 năm. Nhưng hoạt động thương mại của người Anh ở Đàng Trong trong tương quan với các nước khác ở Đông Á khá non kém.

Người Pháp đến Đàng Trong có phần muộn mảng hơn cả. So với các nước phương Tây khác, trong quan hệ giao thương của Pháp tại đất Đàng Trong, Hội Truyền Giáo Quốc Ngoại Paris (MEP) gần như có mặt trong tất cả các hoạt động thương mại. Ngoại thương mang mục đích quân sự là một trong những cản trở chính trong việc thiết lập quan hệ buôn bán giữa Đàng Trong với Pháp.

Như vậy, đến giữa thế kỷ XVII, Đàng Trong đã thiết lập được mối quan hệ thương mại với nhiều nước trong khu vực và thế giới mà tiêu biểu là Bồ Đào Nha, Anh, Pháp, Hà Lan. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, sự tiếp xúc giữa một quốc gia phong kiến nông nghiệp truyền thống với nền văn minh phương Tây có trình độ khoa học kỹ thuật cao đã có tác động rất lớn tới mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa của Đàng Trong.

TÁC ĐỘNG CỦA THƯƠNG MẠI CHÂU ÂU ĐẾN TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ ĐÀNG TRONG THẾ KỶ XVI- XVIII

Trong lịch sử Đại Việt, chưa bao giờ nền kinh tế ngoại thương lại phát triển rực rỡ như trong thế kỷ XVI – XVIII ở Đàng Trong. Hầu hết các cường quốc kinh tế lúc bấy giờ cả châu Á và châu Âu đều đến và thiết lập quan hệ ngoại giao với chính quyền các chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Hoạt động của người phương Tây làm cho thương mại Đàng Trong sôi động hẳn lên. Không những vậy, sự có mặt của người châu Âu còn có tác động không nhỏ tới tình hình chính trị- ngoại giao Đàng Trong.

Thứ nhất, hoạt động thương nghiệp phát triển đã giúp chúa Nguyễn mở rộng được mối quan hệ bang giao quốc tế của mình.

Do tác động của các luồng thương nghiệp thế giới và các nước trong khu vực đồng thời do yêu cầu xây dựng tiềm lực chính trị- kinh tế

quân sự lớn mạnh để mưu định việc lớn, Nguyễn Hoàng và các chúa Nguyễn về sau đã thực thi một chính sách ngoại thương cởi mở. Nhờ vậy mà thương cảng Hội An trong thế kỷ XVII phát triển mạnh mẽ, trở thành một đô thị sầm uất. Sử gia Nhật Bản Kawamoto Kuniye nhận xét: “Đó là biểu lộ nhân thức quốc tế của chúa Nguyễn trước thời đại mới mà trong lãnh thổ Quảng Nam, có một đô thị quốc tế là Hội An, nơi có phong cách quốc tế mới mà chúa Nguyễn mới tự xưng là An Nam quốc vương, muốn phát triển một hệ thống ngoại giao đối với các nước” [1; tr.178]. Chúa Nguyễn Hoàng khi thực hiện các mối bang giao với người nước ngoài đều ghi nhận hiệu mỗi đời khác nhau nhưng từ đời chúa Nguyễn Phúc Nguyên trở đi đều tự xưng là An Nam quốc vương. Điều này không chỉ là sự khẳng định dứt khoát của chúa Nguyễn đối với việc tách khỏi chính quyền Lê-Trịnh ở Đàng Ngoài mà còn nâng cao vị thế của Đàng Trong trong mối quan hệ với ngoại quốc trong đó có các nước châu Âu.

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng các quốc gia phong kiến phương Đông luôn đóng cửa, không giao tiếp với thế giới bên ngoài. Nhưng điều này hoàn toàn không đúng khi nói về vùng đất Đàng Trong. Trên bình diện bang giao quốc tế, chưa có thời kỳ nào, Việt Nam lại có mối quan hệ đối ngoại rộng lớn và đa dạng như thời kỳ này [5; tr.3]. Đàng Trong đặt quan hệ ngoại giao với rất nhiều nước, ngoài các cường quốc trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản còn có các quốc gia châu Âu có nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ như Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp... Những bức thư trao đổi thường xuyên của chúa Nguyễn với các quốc gia chứng tỏ sự chủ động trong quan hệ giữa chúa Nguyễn với bên ngoài. Những cuộc yết kiến các sứ đoàn ngoại giao các nước được tổ chức đều đặn tại phủ chúa hay dinh trấn Thanh Chiêm. Trong thời kỳ này, dinh trấn Thanh Chiêm giữ một vai trò quan trọng trong hoạt động ngoại giao của chúa Nguyễn. Các thể từ được

giao trực tiếp điều hành dinh trấn này mà người đầu tiên chính là Nguyễn Phúc Nguyên. Do sớm được quản lý trung tâm thương mại phát triển nhất, thường xuyên có dịp tiếp xúc với thương nhân, giáo sĩ quốc tế và phải giải quyết những vấn đề chính trị, kinh tế phức tạp nên những người đứng đầu dinh trấn đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, tri thức quản lý. Do đó, các thế tử- những người nối nghiệp tương lai cũng sớm có tư tưởng khai mỏ trong quan hệ bang giao-thương mại [4; tr.374]. Đó là lý do giải thích vì sao, mỗi quan hệ ngoại giao gắn liền với thương nghiệp không chỉ diễn ra ở một hai vị chúa đầu tiên mà còn được duy trì trong một thời gian lâu dài từ chúa Nguyễn Hoàng đến Nguyễn Phúc Khoát. Đàng Trong ra đời và tồn tại trong một thời gian ngắn nhưng đã phát triển một cách hết sức mạnh mẽ.

Thứ hai, hoạt động ngoại thương phát triển cho phép chính quyền phong kiến thu được một nguồn lợi khá lớn từ thuế khóa và lẽ vật “với chúa Nguyễn ở Đàng Trong năm 1774, tổng thuế đầu nguồn tuần ty, đầm núi, chợ đò thu được 76476 quan tiền, hơn 145 hột 2 lượng bạc, 10 chiếc ngà voi, hai tòa sừng tê, một con ngựa đực cùng với nhiều sáp ong và dầu nước” [3; tr.489]. Chỉ riêng ở Hội An, Lê Quý Đôn cũng cho biết: năm Tân Mão, tàu các nơi đến Hội An là 16 chiếc, cộng số tiền thuế thu được là 30800 quan. Năm Nhâm Thin, số tàu buôn đến là 12 chiếc, cộng số tiền thuế là 14300 quan. Năm Quý Ty, số tàu buôn đến là 8 chiếc, cộng số tiền thuế là 3200 quan. Thuyền trường soạn các lẽ vật: biểu chúa Nguyễn chè 3 cân, bốn quan tú trụ mỗi quan biểu chè một cân, thái giám coi về việc tàu thuyền và cai bạ đều mỗi viên chè 1 cân. Tri bạ, cai phủ, Ký lục, mỗi viên chè nửa cân. Các lẽ vật ấy kê vào danh sách nộp ở chính định. Lẽ vật không có hạn định thường thường giá chừng 500 quan [2; tr.292]. Ngoại thương lúc này không chỉ đem lại nguồn lợi cho nhà nước mà còn đem lại lợi ích cho chính tầng lớp quý tộc, quan lại phong kiến.

Maybon đã nhận xét: “Các vua chúa kiểm được lời rất lớn trong các cuộc trao đổi này, không chỉ vì các vị đó nhận được những tang phẩm thật đẹp và lấy cho mình phần quý báu nhất trong số hàng hóa được các tàu chở đến mà còn vì các tàu vào ra càng bị đánh thuế khá nặng” [7, tr.34].

Do đó để thu được lợi nhuận cao nhất với quyền lực trong tay, giai cấp thống trị đã thực hiện nắm độc quyền về ngoại thương. Trước hết, tất cả những thuyền, tàu buôn nước ngoài đến phải trình diện với chúa trước và khi được phép buôn bán thì cũng phải buôn bán với chúa trước tiên. Ở đây, chúng ta cần hiểu, phủ Chúa cũng chỉ độc quyền buôn bán trước chứ không nắm hoàn toàn việc buôn bán với nước ngoài. Chúa chỉ giành lấy việc ưu tiên lựa chọn những hàng hóa ưa thích nhất, quý giá nhất, có lợi nhất như kỳ nam, vàng. Nghề buôn với “nhất bản vạn lợi” không chỉ thu hút với nhân dân mà còn là sự quyền rũ không gì cưỡng nổi với quan lại phong kiến. Từ chúa Nguyễn đến các quan đại thần phong kiến từ trên xuống dưới đều tìm cách này hay cách khác nhúng tay vào việc buôn bán, tìm cách xoay xoa, ăn chặn của các thương nhân. Đây là một điểm mới trong lịch sử Việt Nam truyền thống. Trước đây triều đình phong kiến chỉ thu thuế chứ không trực tiếp tham gia vào sản xuất nhưng đến thời kỳ này, do mối lợi thương mại quá lớn mà vua chúa, quan lại phong kiến đều cố gắng tham gia vào những hoạt động buôn bán với phương Tây.

Việc các thương gia và cư dân trong vùng Hội An đã làm giàu một cách đáng kể không phải là vấn đề gây tranh cãi. Tác giả Vũ Minh Giang đã cung cấp một ví dụ khá lý thú khi ông so sánh các vật cúng được ghi nhận tại hai ngôi chùa Phật giáo vào giữa thế kỷ XVII, một ở gần Hội An và một ở gần Phố Hiến- trung tâm thương mại chính của Đàng Ngoài. Các tính toán của tác giả cho thấy rằng các đóng góp cho ngôi chùa ở phía Nam trung bình cao hơn gấp 8 lần các đóng góp cho ngôi chùa ở phía Bắc và đóng góp ở phía Bắc chủ

yếu gồm thóc gạo, trong khi ở phía Nam những đóng góp này thường là bằng tiền [6; tr.135]. Điều đó không chỉ chứng tỏ mức sống ngày càng cao của người dân Đàng Trong mà còn chứng tỏ sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ tiền tệ. Chính quyền thống trị theo xu hướng chung là thay thế một phần hay toàn bộ thuế ruộng, thuế dung, thuế điệu bằng tiền. Đến thời kỳ này, người nông dân có thể làm thêm các nghề thủ công hay buôn bán nhỏ để kiếm tiền mua lương thực, bù lại những thiếu hụt trong sản xuất thương nghiệp hay mua sắm các thứ cần thiết, các hàng ngoại ưa thích. Như vậy, sự phát triển thương nghiệp không chỉ mở rộng tầm mắt và sự hiểu biết của giai cấp thống trị mà còn góp phần mở cửa các làng xã lâu nay đóng kín.

Thứ ba, các thương nhân nước ngoài đến Đàng Trong chủ yếu thông qua đường bờ biển, một số nước đã tìm cách chiếm những hòn đảo trên biển Đông để kiểm soát hải thương. Do đó, yêu cầu đặt ra đối với các chúa Nguyễn là phải chiếm lĩnh các quần đảo giữa biển Đông, để quản lý hoạt động thương mại của các thương nhân nước ngoài và thực thi chủ quyền trên biển. Chúa Nguyễn Hoàng đã sớm chăm lo xây dựng các đội thuyền, mở cửa buôn bán với nước ngoài để phát huy sức mạnh trong nước và chuẩn bị những bước đi đầu tiên cho việc chiếm lĩnh các đảo giữa biển Đông. Các chúa Nguyễn về sau, đặc biệt là chúa Nguyễn Phúc Nguyên tổ chức những đội khai thác biển chuyên nghiệp ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa như đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải. Theo *Phù biển tạp lục* của Lê Quý Đôn: "Họ Nguyễn lại đặt ra đội Bắc Hải quy định bao nhiêu suất hoặc người thôn Tứ Chính ở Bình Thuận hoặc người xã Cảnh Dương, ai tình nguyện đi thì cắp giày soi đì, miễn cho tiền sưu cùng các tiền tuần đò, cho đi thuyền câu nhô ra các xứ Bắc Hải. Cù Lao, Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên, tìm lượm vật của tàu và các thứ đồi mồi, hải ba, bảo ngư, hải sâm, cùng sai cai đội Hoàng Sa kiêm quản" [2; tr.119-120].

Đội Hoàng Sa và Bắc Hải là một hình thức khai chiếm, xác lập và thực thi chủ quyền hải sức độc đáo trên các vùng quần đảo giữa biển Đông. Hơn nữa, thông qua việc tổ chức, kiểm soát các hoạt động khai thác nguồn sản vật từ vùng biển đảo, chính quyền Đàng Trong đã có ý thức sâu sắc mạnh mẽ hơn về vị thế, tầm quan trọng của an ninh, kinh tế biển đối với sự phát triển của đất nước. Từng bước, chính quyền Thuận Hoá đã thiết lập chủ quyền, tăng cường sự quản lý, kiểm tra giám sát việc khai thác trên các cụm đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Chủ quyền của Hoàng Sa và Trường Sa là một trong những trang đẹp nhất, bi hùng nhất của lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam mà các chúa Nguyễn là những vị chúa mở đầu, khai sáng [8; tr.5].

Thứ tư, tác động của kinh tế thương mại với phương Tây đã kéo theo sự chuyển dịch mạnh mẽ trong cấu trúc xã hội Đàng Trong. Những cư dân bần địa không còn là những người thường dân thuần túy nữa mà dường như đã bị thương mại hóa, bị cuốn vào dòng chảy của kinh tế ngoại thương. Có thể thấy việc xuất hiện tầng lớp thương nhân, thợ thủ công chuyên nghiệp, những người khai thác mỏ, lâm sản cùng những đội thu sán vật trên các đảo đã mang đến một diện mạo mới và làm thay đổi thành phần, cấu trúc xã hội Đàng Trong. Đặc biệt, hoạt động thương nghiệp với việc khai thác những lâm thô sán từ vùng núi cao nguyên đã nhanh chóng lôi cuốn người Thượng ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên vào hoạt động buôn bán. Nguồn gỗ quý, ngà voi, sừng tê, sáp ong luôn là thương phẩm có nhu cầu cao, sức cuốn hút kỳ diệu với thuyền buôn ngoại quốc. Không những vậy, thông qua hệ thống thuế khóa, chúa Nguyễn đã quản lý được một vùng đất rộng lớn ở phía Tây của đất nước, góp phần giữ gìn an ninh và thúc đẩy sự phát triển kinh tế, đời sống của người Thượng. *Thứ năm*, đi cùng với các thương nhân sang Đàng Trong buôn bán là các giáo sĩ truyền bá đạo Thiên Chúa. Trong khi họ Trịnh ở Đàng

Ngoài chua nhận thức một cách nghiêm túc rằng các giáo sĩ là những người đại diện cho khoa học phương Tây thì chúa Nguyễn chấp nhận sự hiện diện của thừa sai các Hồi dòng trên vùng đất mới, đồng thời còn sử dụng các thừa sai này vào các công việc khác nhau trong triều đình. Sự xuất hiện của các thừa sai này có những tác động nhất định tới thể chế chính trị Đàng Trong. Nguyễn Thanh Nhã đã đưa ra danh sách các thừa sai Dòng Tên được họ Nguyễn sử dụng tại triều đình từ thế hệ này đến thế hệ khác. Năm 1686, chúa Hiền đã lấy quyền của mình bắt Bartholoméo da Costa- một giáo sĩ Bồ Đào Nha người đã từng chăm sóc sức khỏe cho Chúa, phải từ Ma Cao trở lại Đàng Trong. Hiền Vương đã hăm dọa và đòi Viện nguyên lão Macao phải trả lại người thầy thuốc này [7; tr.152].

Nguyễn Phúc Chu đã dùng Antonio de Arnedo năm 1704 để dạy toán. Năm 1724, Ngài đã có ba thầy dòng Tên: cha Sarina, cha Pires và cha De Lima phụ trách vấn đề thiên văn học và toán học. Võ vương Nguyễn Phúc Khoát cũng đã dùng Newgebawer (là người Đức, ở Đàng Trong từ 1740- 1749) làm nhà toán học và thiên văn học. Cha Siebert được Võ vương giữ lại dùng làm ngự y. Năm 1745, khi Siebert qua đời, ông đã dùng Charles SlamenSKI thay thế. Kuffler trong một bức thư gửi cha Ritter viết tại Huế ngày 7 tháng 7 năm 1747 có nhắc đến SlamenSKI là “một người có nhiều kinh nghiệm trong nội khoa, ngoại khoa và chế biến các loại thuốc” [7, tr.153]. Cha Jean Kuffler (được Võ vương chọn để thay thế) Chân dung của ông đã được mô tả: “Tôi thấy ông thầy dòng Tên này trên một chiếc thuyền chèo tay thép vàng, mìn mắc một chiếc áo the hoa đen, một chiếc áo lót và một chiếc khăn màu lila, và đội một chiếc mũ tiền sỉ rất là to, đính rái rác các hạt ngọc giả” [7, tr.77]. Năm 1750, lo sợ trước những âm mưu của giáo sĩ, nhà Nguyễn đã thực hiện lệnh trục xuất các giáo sĩ ra khỏi lãnh thổ nhưng vẫn giữ lại cha Kuffler, một

nha trác địa (nha hình học) Xavier de Moteiro, và Jean de Loureira, bác sĩ [7; tr.78] Như vậy, việc người châu Âu chính thức làm việc trong triều đình nhà Nguyễn dù với tư cách là người chữa bệnh cũng là một sự kiện hoàn toàn mới trong truyền thống chính trị Việt Nam. Vấn đề này thể hiện tư tưởng thoáng mờ của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, luôn sẵn sàng tiếp thu những yếu tố mới của khoa học kỹ thuật tiên tiến của phương Tây để thúc đẩy sự phát triển chính trị của vùng đất mới. Tinh thần này của chúa Nguyễn chứng tỏ không phải trong tất cả các thời kỳ, các triều đại phong kiến phương Đông đều thực hiện chính sách “bế quan tỏa cảng” trong quan hệ với các nước phương Tây như nhiều quan niệm truyền thống.

KẾT LUẬN

Như vậy, tác động lớn nhất về mặt chính trị của người châu Âu khi đến buôn bán ở Đàng Trong là làm cho Đàng Trong phát triển mạnh mẽ. Những mối lợi thu được từ nền kinh tế không chỉ giúp chúa Nguyễn xác lập được vị thế vững chắc ở phần phía nam của đất nước mà còn có khả năng đương đầu với chính quyền Lê-Trịnh ở Đàng Ngoài. Đàng Trong nhanh chóng trở thành một vương quốc cường thịnh, một trung tâm thương mại ở khu vực Đông Nam Á. Điều này đã được tác giả Li Tanna khẳng định: “Ngoại thương đã trở thành yếu tố quyết định trong tốc độ phát triển Đàng Trong. Ngoại thương nghiệp, không gì khác có thể giúp họ Nguyễn xây dựng một cách nhanh chóng vùng đất ít nhân lực này, để có thể đương đầu với một vùng đất có tiềm lực nhiều gấp đôi, gấp ba Đàng Trong về mọi mặt. Đối với các nước khác ở Đông Nam Á, vấn đề ngoại thương chỉ có thể là vấn đề làm giàu nhưng đối với Đàng Trong vào buổi đầu, đây là vấn đề sống chết” [6; tr.105]. Các chúa Nguyễn đã ngày càng khẳng định được chủ quyền và vị thế của mình trong các mối quan hệ quốc tế đa dạng lúc bấy giờ. Một học giả nước ngoài từng nhận xét: “Xứ Đàng Trong ra đời đúng thời, đúng buổi trong một thời đại thương nghiệp. Chúng ta có thể nói một cách

hoàn toàn đảm bảo rằng chính thương nghiệp làm cho vương quốc mới của Việt Nam chỉ trong vòng ít thập niên đã trở nên giàu có và đủ mạnh để duy trì nền độc lập của mình đối với phía Bắc” [6; tr.85].

Hoạt động thương mại của người châu Âu ở Đàng Trong góp phần quan trọng vào việc đưa Đàng Trong nói riêng và Đại Việt nói chung dự nhập vào quá trình Toàn cầu hóa cận đại sơ kỳ (Early Modern Globalization). Hệ thống thương mại phong phú của các nước phương Tây ở Đông Á có sức hút vô cùng mạnh mẽ đối với nền kinh tế thương nghiệp của các chúa Nguyễn. Sự hiện diện thường xuyên của các đoàn thuyền buôn châu Âu (Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp...) đã góp phần quốc tế hóa thị trường khu vực, tạo nên sự giao lưu về kinh tế không chỉ trong giữa Đàng Trong với Đàng Ngoài mà còn với các nước khác của Đông Á và châu Âu. Với sự hội nhập của mình, bất luận chủ động hay thụ động, Đàng Trong đã trở thành một mắt xích khá trọng yếu trong hệ thống thương mại biển Đông, góp phần vào sự

hưng khởi của kỷ nguyên thương mại và Toàn cầu hóa cận đại sơ kỳ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ủy ban quốc gia Hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An (1991), *Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Lê Quý Đôn (1977) *Phù Biên Tạp Lục*, Quyển IV, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Phan Khoang (2001) *Viết sử xít Đàng Trong 1558- 1777*, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Kim (Chủ biên) (2011), *Người Việt với biển*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Kim (2011), “Các nguồn hàng và thương phẩm của Đàng Trong”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 4(420)*, tr.3-17.
6. Litana (1999) *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế-xã hội Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
7. Maybon & Charles (2006) *Những người châu Âu ở nước An Nam*, Nguyễn Thừa Hỷ dịch, Nxb Thế giới, Hà Nội.
8. Nguyễn Quang Ngọc (2012), “Đội Hoàng Sa, cách thức thực thi chủ quyền độc đáo của Việt Nam trên các vùng quần đảo giữa biển Đông trong thế kỷ XVI- XVIII”, *Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2, tr.3-15.

SUMMARY

EUROPEAN TRADE AND ITS IMPACTS TO THE POLITICAL SITUATION OF COCHINCHINA IN THE XVI- XVIII CENTURIES

Đuong Thị Huyền*

University of Science – TNU

In the 16th - 18th century, Cochinchina established business with many countries of strong economic development in the world namely Portugal, Netherlands, England, France... During those periods, the European commercial activities in Cochinchina were diverse and abundant. The commercial activities not only brought great profits for themselves but also contributed to the excitement of foreign trade in Cochinchina. For the first time in Vietnamese history, its contact between traditional feudal agriculture and Western high-tech civilization gave rise to a great impact on all aspects of political, economic and cultural life of Cochinchina.

Keywords: *Cochinchina, European, trade, political, economic, cultural, feudal, businessman*

Ngày nhận bài: 02/12/2016; Ngày phản biện: 03/01/2017; Ngày duyệt đăng: 28/6/2017

* Tel: 0975702362; Email: duonghuyen.sudhkh@gmail.com